

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đoàn Văn Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-DS ngày 28/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ánh T, sinh năm 1983 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đoàn Xuân T1, sinh năm 1976 (có mặt).

Đều cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Ánh T trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Xuân T1 ngày 02/3/2001. Trước khi cưới, có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, thậm trí đánh nhau, không đồng nhất quan điểm, không hòa thuận được để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 10/7/2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Đoàn Anh T2, sinh ngày 20/3/2002, Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 01/8/2005 và Đoàn Xuân T3, sinh ngày 29/8/2007. Hiện cháu T2 và cháu Á đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, để các cháu tự lựa chọn ở với ai là quyền của các cháu. Còn cháu T3 đang ở cùng chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị xin được nuôi cháu T3, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng có những tài sản gồm: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 70 tại thôn Kép 12, xã Hương Sơn + Thửa đất vợ chồng đang ở tại thôn Đồn 19, xã Hương Sơn + khoảng 4000 cây bạch đàn trồng được 5 năm trên đất bố mẹ ở gần nhà + 01 xe ô tô đầu kéo BKS 98C-227.47 cùng đuôi sơ mi rơ moóc BKS 98R-024.79 + 01 xe ô tô đầu kéo BKS 98H-002.95 + 01 sơ mi rơ moóc BKS 98R-032.90 + 01 xe ô tô con TOYOTA BKS 98A-230.30 + 01 ô tô tải BKS 98C-237.21. Nay chị không đề nghị giải quyết trong vụ án này, mà để vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, nếu không thỏa thuận được, chị sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

* Bị đơn anh Đoàn Xuân T1, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023. Tuy nhiên chiều ngày 23/8/2023 anh T2 mới có mặt tại Tòa án. Tại bản tự khai ngày 23/8/2023 anh T2 xác định chị T trình bày về thời gian kết hôn và diễn biến quá trình mâu thuẫn là đúng, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn chị T, xin được nuôi cháu T3, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 diện tích 100m² đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng địa chỉ thửa đất: Thôn Kép 12, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trị giá khoảng 2 tỷ đồng. 01 xe ô tô năm chỗ ngồi nhãn hiệu TOYOTA BKS 98A-230.30 trị giá khoảng 250.000.000đ. 01 xe ô tô tải hiệu HUYNDAI loại 7 tấn BKS 98C-192.85 trị giá khoảng 500.000.000đ. 01 sổ tiết kiệm có trị giá 200.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T2 có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Phía bị đơn, anh T2 có mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị xét xử cho chị T được ly hôn anh T2. Về con chung: Giao chị T nuôi cháu T3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Không chấp nhận yêu cầu phản tố đề nghị phân chia tài sản của anh T2. Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Ánh T khởi kiện xin ly hôn anh Đoàn Xuân T2, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị T xin được ly hôn anh T1, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 có mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ánh T kết hôn với anh Đoàn Xuân T1 ngày 02/3/2001, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 10/7/2023. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn cả chị T và anh T1 đều thiết tha xin được ly hôn. Tuy nhiên phía chị T vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Qua lời khai của đương sự và qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T1 sinh được ba con chung là Đoàn Anh T2, sinh ngày 20/3/2002, Đoàn Ngọc Á, sinh ngày 01/8/2005 và Đoàn Xuân T3, sinh ngày 29/8/2007. Hiện cháu T2 và cháu Á đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi cả chị T và anh T1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết, mà để các cháu tự lựa chọn ở với ai là quyền của các cháu. Còn cháu T3 đang ở cùng chị Tuyết, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn cả chị T và anh T1 đều xin được nuôi cháu T3, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, các bên đều có điều kiện nuôi con như nhau, cháu T3 có nguyện vọng muốn ở với mẹ, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con trẻ, cần giao chị T nuôi cháu T3, anh T1 được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này. Xét là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngày 23/8/2023 anh T1 có đơn yêu cầu phản tố đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm thửa đất số 43 tờ bản đồ số 70 diện tích 100m² đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng địa chỉ thửa đất: Thôn Kép 12, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trị giá khoảng 2 tỷ đồng. 01 xe ô tô năm chỗ ngồi nhãn hiệu TOYOTA BKS 98A-230.30 trị giá khoảng 250.000.000đ. 01 xe ô tô tải hiệu HUYNDAI loại 7 tấn BKS 98C-192.85 trị giá khoảng 500.000.000đ. 01 sổ tiết kiệm có trị giá 200.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt. Anh T1 có mặt vẫn đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng như đã nêu trên. HĐXX xét thấy ngày 23/8/2023 anh T1 nộp đơn yêu cầu phản tố sau khi đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 của Tòa án. Tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“Điều 200. Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn

.....

3. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”.

Như vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố đề nghị phân chia tài sản của anh T1 được. Nếu sau này các bên xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 200, 227, 228, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ánh T được ly hôn anh Đoàn Xuân T1.

2/ Về nuôi con chung: Xử giao chị Nguyễn Ánh T nuôi con chung là Đoàn Xuân T3, sinh ngày 29/8/2007. Anh T1 được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của đương sự và quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu phản tố đề nghị phân chia tài sản của anh Đoàn Văn T1. Nếu sau này các bên xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Ánh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005624 ngày 18/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã T, Lục Nam, Bắc Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi